

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC
PHẨM HÀ NỘI**

Số: 45/ BC - CIMS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO
Thường niên năm 2022

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0101337659
- Vốn điều lệ	62.909.000.000 đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	62.909.000.000 đ
- Địa chỉ	170 La Thành, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại	0243.5130669/ 5134588
- Số fax/	0243.8511280
- Website;	www.hanoipharma.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)	DHN

Quá trình hình thành và phát triển, ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay

- Ngày thành lập: 01/01/2003 theo QĐ 8103/QĐ-UBND chuyển doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Dược phẩm Hà Nội thành Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Nội
 - Đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán **DHN** tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 22/3/2018. Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số: 16/2018/GCNCP-VSD ngày 22/03/2018
 - Đăng ký giao dịch cổ phiếu **DHN** tại thị trường UPCOM trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Quyết định số 179/QĐ-SGDHN ngày 12/4/2018
 - Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: **62.909.000.000 đồng**
 - Ngày giao dịch đầu tiên: Thứ năm, ngày 19/04/2018
 - Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên: **10.500 đồng/cổ phiếu**
- Các sự kiện khác: không có

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)
 - Sản xuất kinh doanh thuốc chữa bệnh, phòng bệnh, phục vụ sức khỏe cho người,
 - Nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thuốc thành phẩm, trang thiết bị y tế.
 - Cho thuê văn phòng làm việc và kho chứa hàng hóa, nguyên liệu, bao bì, thành phẩm dược phẩm.

man

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).
 - Trụ sở giao dịch : 170 La Thành, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
 - Nhà máy : Lô 15 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị : Công ty cổ phần
- Cơ cấu bộ máy quản lý : Đại hội đồng cổ đông- Hội đồng quản trị- Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát
- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết): không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: SXKD thuốc y tế phòng chữa bệnh cho người
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: nhà máy sản xuất thuốc đạt GMP-WHO, ISO.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Tuân thủ theo đúng các qui định về môi trường, tham gia các hoạt động xã hội và cộng đồng trong khu công nghiệp Quang Minh

5. Các rủi ro: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh.):

- Trong năm 2021, Công ty phát sinh nghĩa vụ thuế tiềm tàng liên quan đến ưu đãi về thuế TNDN. Hiện tại, Công ty đang tiếp tục làm việc với Cục thuế thành phố Hà Nội để xác định các nghĩa vụ thuế bổ sung cho kỳ tính thuế từ năm 2009- 2018 (nếu có). Công ty sẽ thực hiện các nghĩa vụ liên quan sau khi nhận được quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế về vấn đề này.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Nêu các kết quả đạt được trong năm.

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Kỳ này
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	88 835 481 026
Lợi nhuận thuần	16 555 999 999
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16 547 115 582
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12 885 893 561

- Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp:
 - Trong năm, Công ty đã áp dụng hiệu quả nhiều chính sách như: tăng giá bán sản phẩm, đầu tư sản xuất sản phẩm mới, cắt giảm các chi phí không thiết yếu...
 - Hội đồng quản trị đã đưa ra chiến lược mới trong vấn đề Tiền gửi ngân hàng: lựa chọn ngân hàng có lãi suất tiền gửi cao để gửi tiết kiệm, không yêu cầu gửi ở các Ngân hàng Nhà nước như trước kia.

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. **Phụ lục**

Tran

01

- Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề:
 - Doanh thu thuần bán hàng tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước (+10.33%), trong đó doanh thu bán hàng tăng +10.29% do việc phát triển/ tiêu thụ sản phẩm mới và điều chỉnh tăng giá bán sản phẩm trong năm 2022 đạt kết quả tốt.
 - Doanh thu tài chính tăng 7.04% so với cùng kỳ năm trước do việc áp dụng chính sách mới của Hội đồng quản trị đề ra trong việc lựa chọn phương án tiền gửi với các Ngân hàng thương mại có lãi suất cao, không yêu cầu gửi tiền cố định tại các Ngân hàng Nhà nước như trước.
 - Bên cạnh đó, Giá vốn hàng bán và Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng, tuy nhiên tốc độ tăng thấp hơn so với tốc độ tăng của doanh thu. Cụ thể: Giá vốn tăng 10.06%; Chi phí quản lý tăng 3.06%. Để đạt được kết quả trên, Công ty đã rất nỗ lực trong việc thắt chặt chi phí cũng như xem xét rất kỹ lưỡng từ khâu chọn lựa nhà cung cấp.
 - Nội dung chi phí khác giảm mạnh (-88.04%) do tình hình Covid 19 trong năm 2022 đã giảm so với cùng kỳ năm trước nên Doanh nghiệp không phải chi các khoản chi phí Covid phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nữa.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác

Tên	Chức vụ	Trình độ	Tỷ lệ sở hữu Cổ phần
Bà Phạm Thị Tuấn	Tổng Giám Đốc	Dược sỹ Đại học	0%
Ông Đinh Quang Hào	Phó Tổng Giám Đốc	Thạc sỹ Dược	0.07%
Ông Bùi Hữu Việt	Phó Tổng Giám Đốc	Dược sỹ	0%
Bà Phạm Thị Minh Trang	Quyền Kế toán trưởng	Cử nhân Kinh tế	0%

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)
 - 1/3/2022: Bổ nhiệm ông Bùi Hữu Việt – Phó Tổng giám đốc
 - 1/3/2022: Miễn nhiệm ông Đinh Quang Hào – Phó Tổng giám đốc
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.
 - Tại thời điểm 31/12/2022: có 71 cán bộ công nhân viên
 - Chính sách về hợp đồng lao động và đóng BHXH cho người lao động theo đúng qui định của Luật doanh nghiệp và Luật Bảo hiểm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn:** Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết): *không có*
- Các công ty con, công ty liên kết:** (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): *không có*

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Tỷ lệ TH 2022/ TH 2021
1	Tổng giá trị tài sản	88 022 689 068	93,014,971,718	94,6%
2	Doanh thu thuần BH và c/c dịch vụ	88 835 481 026	80 516 349 422	110,33%
3	Lợi nhuận thuần	16 555 999 999	14 333 999 999	115,50%
4	Lợi nhuận khác	- 8 884 417	- 62 407 263	14,24%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16 547 115 582	14 271 592 736	115,94%
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12 885 893 561	11 208 066 209	114,97%

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: Phụ lục 02

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

- Tổng số cổ phần: **6.290.900 Cổ phần**
- Loại cổ phần đang lưu hành: **Cổ phiếu phổ thông**
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: **6.290.900 Cổ phần**
- Số lượng Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: **0 Cổ phần**

b) Cơ cấu cổ đông: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

Danh sách	Cổ đông lớn (>5%)	Cổ đông tổ chức/ cá nhân	Cổ đông trong nước/ nước ngoài	Cổ đông nhà nước/ cổ đông khác	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Đầu Tư Việt Hà	X	Tổ chức	Trong nước	Nhà nước	2.516.360	40,00%
Nguyễn Diệu Trinh	X	Cá nhân	Trong nước	CĐ khác	978.824	15.56%
Nguyễn Đức Thắng	X	Cá nhân	Trong nước	CĐ khác	606.222	9.64%
Đỗ Thị Nga	X	Cá nhân	Trong nước	CĐ khác	1.221.223	19.41%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp

DVT: Tỷ đồng

Thời gian	Quyết định	Nội dung	Vốn đầu tư	Vốn Nhà nước	Vốn Cổ đông khác
27/11/2002	8103 – UBND	Chuyển đổi từ Xí nghiệp sang Công ty Cổ phần	7.9	3.16	4.74
15/12/2005	Đại hội cổ đông bất thường 2005	Tăng 10 tỷ Vốn điều lệ bằng phát hành Cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu	17.9	7.16	10.74
10/06/2007	Đại hội cổ đông thường niên 2006	Tăng 3 tỷ Vốn điều lệ bằng phát hành cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu	20.9	8.36	12.54
18/9/2012	Đại hội cổ đông bất thường 2012	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, lệ 1:2.01	62.909	25.1636	37.7454

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch: *không có*

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: *không có*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.: 47 710 609 903 VNĐ

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 557.261 kw điện/năm

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: *không có*

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 22.032 m³ /năm, nước sạch do Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO tại Hà Nội

b) lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : 0%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 VNĐ

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động trung bình: 71 người
- Lương trung bình: 9.900.000 VNĐ / người/ tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Trong năm có tổ chức khám bệnh định kỳ tất cả công nhân viên.
- Mua bảo hiểm con người cho toàn bộ công nhân
- Mua và phát bảo hộ cho người lao động đúng chế độ qui định
- Công đoàn phối hợp chính quyền tổ chức đưa cán bộ nhân viên đi nghỉ mát dịp hè
- Hỗ trợ Covid cho người lao động bằng tiền, hiện vật, thực hiện tốt 5K..

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Công nhân trực tiếp sản xuất đào tạo 48 giờ/năm/người
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Công ty thuê chuyên gia hướng dẫn, cập nhật, bổ sung kiến thức về thực hành tốt SX thuốc, bảo quản thuốc và Kiểm nghiệm thuốc kịp thời cho người lao động

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: không có

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có): Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra:

ĐVT: VNĐ

TT	Nội dung	Kế hoạch năm nay	Thực hiện năm nay	Tỷ lệ TH/KH năm nay
1	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	81 006 983 318	88 835 481 026	110%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	13 333 999 999	16 555 999 999	124%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13 333 999 999	16 547 115 582	124%
4	Cổ tức	16%	Dự kiến 19%	119%
5	Lương Bq/người/tháng	9,900,000	9 900 000	100%

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: sản xuất sản phẩm mới, duy trì công việc ổn định cho CB CNV trong thời kỳ giãn cách xã hội.

Kuan

2. Tình hình tài chính/

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)

- Đầu tư mua sắm TSCĐ mới:

Tên TSCĐ	Số tiền
Nghiệm thu TSCĐ - Máy đo độ hòa tan - 2072	500 000 000
Nghiệm thu TSCĐ - Máy chiết kem tuýp nhôm tự động ZHF 60Z - 5071	635 000 000
Nghiệm thu TSCĐ - Pass box air shower- 4093	53 500 000
Nghiệm thu TSCĐ - Pass box air shower- 4094	53 500 000
Nghiệm thu TSCĐ - Pass box air shower- 2073	36 200 000
Nghiệm thu TSCĐ - Máy trộn đồng nhất lô 600 kg - mã 4095	740 000 000
Nghiệm thu TSCĐ - Tank nước nóng - 7047	155 000 000
Nghiệm thu TSCĐ - Buồng đo mẫu cho máy sắc ký lỏng - 2074 - P.KTCL	70 000 000
Nghiệm thu TSCĐ - Nồi Inox 2 vỏ có gia nhiệt - 5072 - PX mắt - Tổ pha chế	60 000 000
Nghiệm thu TSCĐ - Thiết bị đo cho hệ thống RO - 7048 - KTCD	123 110 000
Nghiệm thu TSCĐ - Hệ thống xử lý nước thải CS 20m3/NĐ - 7046	405 960 000

- Thanh lý TSCĐ hỏng, hết giá trị sử dụng: không có

DVT: VNĐ

	Nội dung	Nguyên giá đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Nguyên giá cuối kỳ
211	Tài sản cố định hữu hình	58 147 354 988	2.832.270.000		60.979.624.988
2112	Nhà cửa, vật kiến trúc	22 289 175 270			22.289.175.270
2113	Máy móc, thiết bị	28 871 889 915	2.426.310.000		31.298.199.915
2114	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 009 476 139	405.960.000		3.415.436.139
2115	Thiết bị, dụng cụ quản lý	211 753 856			211.753.856
2118	Tài sản cố định khác	3 765 059 808			3.765.059.808
213	TSCĐ vô hình	4 609 713 164			4.609.713.164

- Trong năm 2022, Khấu hao TSCĐ như sau:

DVT: VNĐ

Nội dung	Hao mòn lũy kế đầu kỳ	Hao mòn TSCĐ thanh lý trong kỳ	Hao mòn trong kỳ	Hao mòn lũy kế cuối kỳ
Hao mòn TSCĐ hữu hình	37.608.664.276		3.661.563.772	41.270.228.048
Hao mòn TSCĐ vô hình	1.481.829.462		95.380.692	1.577.210.154

- Công ty không phát sinh nợ xấu: công nợ phải thu cuối kỳ = 0 VNĐ

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Nội dung	Công nợ cuối kỳ	Ghi chú
Phải trả cho người bán: DPHN	1.375.935.816	Tiền hàng gia công chưa sản xuất và các hợp đồng chưa nghiệm thu

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không có

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: hướng tới xây dựng nhà máy đạt chuẩn ISO, xây dựng thêm nhiều dây chuyền sản xuất mới phục vụ nhu cầu trong và ngoài nước.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần): Không có (Kiểm toán chấp nhận toàn phần)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Chỉ tiêu		Văn phòng La Thành	Nhà máy Quang Minh
Tiêu thụ nước		Khoảng 655 m ³ / năm	Khoảng 21.377 m ³ / năm
Tiêu thụ điện		Khoảng 68.471 kWh/ năm	Khoảng 488.790 kWh/ năm
Phát thải	Nước thải	Không có	Khoảng 7.582 m ³ / năm
	Chất thải nguy hại	Không có	Khoảng 790 m ³ / năm

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- 31/12/2022, Tổng lao động trong công ty là 71 người, trong đó có: 4 cao đẳng, 9 cử nhân, 30 Dược sỹ (trung cấp và đại học), 8 Dược tá, 1 kỹ sư, 3 lái xe, 12 lao động phổ thông, 4 thạc sỹ

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp an toàn phòng chống dịch Covid 19 trong Doanh nghiệp
- Hoàn thành các nghĩa vụ địa phương giao phó
- Nghiêm túc thực hiện công tác bảo vệ, PCCC cả ngày thường và lễ tết.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

a. Việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh:

DVT: VNĐ

TT	Nội dung	Kế hoạch năm nay	Thực hiện năm nay	Tỷ lệ TH/KH năm nay
1	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	81 006 983 318	88 835 481 026	110%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	13 333 999 999	16 555 999 999	124%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13 333 999 999	16 547 115 582	124%

4	Cổ tức	16%	Dự kiến 19%	119%
5	Lương Bq/người/tháng	9,900,000	9 900 000	100%

- b. Tính tuân thủ các quy định trong hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc: Ban Tổng giám đốc hoạt động theo đúng Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật kế toán, BHXH, Điều lệ Công ty.
- c. Báo cáo tài chính kiểm toán (nếu có): **File đính kèm**
- d. Đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định liên quan đến lương thưởng:
- Áp dụng mức đóng BHXH từ 5.007.600 VNĐ cho toàn thể người lao động.
 - Chi lương, thưởng theo đúng thỏa thuận, hợp đồng lao động cũng như qui chế lương thưởng của công ty.
- e. Các hoạt động đối với xã hội, cộng đồng:
- Chung tay phòng chống Covid 19, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo qui định.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty: đã hoàn thành mục tiêu Lợi nhuận sau thuế, cổ tức mà Đại hội cổ đông đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Ổn định các thể mạnh hiện tại của doanh nghiệp.
- Nghiên cứu, phát triển thuốc mới, dây chuyền mới, thị trường mới.
- Hướng tới nhà máy đạt chuẩn ISO.
- Nâng cao Lợi nhuận, thương hiệu của công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác): **Phụ lục 03**
- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban: Không có)
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp: **Phụ lục 04**
- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp: Không có)
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày Bổ nhiệm	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết
1	Ông Ngô Hồng Minh	Trưởng BKS	30/12/2020	0.002%

Luân

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày Bổ nhiệm	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết
2	Bà Nguyễn Lan Hương	Thành viên	10/12/2020	0.008%
3	Bà Nguyễn Kim Cúc	Thành viên	10/12/2020	5%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2022/BC-BKS	27/5/2022	- Báo cáo thực hiện năm 2021 và phương hướng năm 2022	100%
2	01/2022/TB-BKS	4/10/2022	- Rà soát hoạt động 9 tháng đầu năm 2022	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ): **Phụ lục 05**

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: **Phụ lục 06**

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

- Sản xuất thuốc gia công cho Công ty TNHH Kinh doanh Dược Thiên Thành (bà Đỗ Thị Nga – Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Hà Nội đang là Phó Giám đốc Công ty TNHH Kinh doanh Dược Thiên Thành)

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty): Thực hiện đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tran

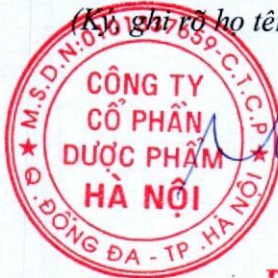
theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ).: **File đính kèm**

Nơi nhận:

-;
- Lưu: VT, ...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
DS. Phạm Thị Tuấn

Phu lục 01: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề
ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Thực hiện 2021	Tỷ lệ TH/ KH 2022	Tỷ lệ TH 2022/ TH 2021
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	81.006.983.318	88 835 481 026	80 543 846 922	110%	110%
2. Các khoản giảm trừ			27 497 500	0%	0%
3. Doanh thu thuần BH và c/c dịch vụ	81.006.983.318	88 835 481 026	80 516 349 422	110%	110%
4. Giá vốn hàng bán	50.713.905.378	56 928 187 267	51 725 767 423	112%	110%
5. Lợi nhuận gộp BH và c/c dịch vụ	30.293.077.940	31 907 293 759	28 790 581 999	105%	111%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.127.739.725	1 227 822 203	1 147 017 534	109%	107%
8. Chi phí bán hàng	3.629.686.592	4 006 057 099	3 403 772 411	110%	118%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.457.131.074	12 573 058 864	12 199 827 123	87%	103%
10. Lợi nhuận thuần	13.333.999.999	16 555 999 999	14 333 999 999	124%	116%
11. Thu nhập khác		11 350 000	106 735 991	0%	11%
12. Chi phí khác		20 234 417	169 143 254	0%	12%
13. Lợi nhuận khác		- 8 884 417	- 62 407 263	0%	14%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.333.999.999	16 547 115 582	14 271 592 736	124%	116%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.866.800.000	3 661 222 021	3 063 526 527	128%	120%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.467.199.999	12 885 893 561	11 208 066 209	123%	115%

Phụ lục 02: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	4.28	9,05	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	2.74	5,88	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.17	0,08	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	0.21	0,09	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	2.06	2,49	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài Sản	0.87	1,01	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.14	0,15	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0.15	0,16	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.12	0,15	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.36	0,36	

Phụ lục 03: Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Tỷ lệ sở hữu CP	Loại hình	Số lượng chức danh thành viên HĐQT/ quản lý tại công ty khác
Ông Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17/12/2020	15%	Đại diện vốn CT CP kinh doanh và đầu tư Việt Hà	2
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 10/12/2020 Miễn nhiệm ngày 17/6/2022	20%	Đại diện vốn CT CP kinh doanh và đầu tư Việt Hà	4
Bà Đỗ Thị Nga	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 10/12/2020	19.41%	Thành viên khác	2
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 7/12/2021	15.56%	Thành viên khác	3
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 16/6/2022	15.56%	Thành viên khác	3
Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17/6/2022	20%	Đại diện vốn CT CP kinh doanh và đầu tư Việt Hà	3
Nguyễn Thị Thơm	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17/6/2022	15%	Đại diện vốn CT CP kinh doanh và đầu tư Việt Hà	1
Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 16/6/2022	0%	Thành viên khác	2

Phụ lục 04: Hoạt động của HĐQT:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	84/NQ-HĐQT	03/03/2022	- Thông qua đơn xin thôi việc, miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc với ông Đinh Quang Hào từ ngày 1/3/2022	100%
			- Bổ nhiệm ông Bùi Hữu Việt giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc từ ngày 1/3/2022. Giao Tổng giám đốc ký HĐLĐ và tiếp nhận ông Bùi Hữu Việt.	
			- Thông qua chi Phụ cấp thư ký HĐQT 3 triệu/ tháng từ tháng 2/2022.	
			- Ông Bùi Hữu Việt hưởng quyền lợi về lương thưởng theo quy định Công ty (<i>lương cứng 30 triệu/tháng, kèm phụ cấp xăng xe 2 triệu/ tháng</i>)	75%
2.	12/QĐ-HĐQT	03/03/2022	- Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc với ông Đinh Quang Hào từ ngày 1/3/2022	
3.	13/ QĐ-HĐQT	03/03/2022	- Bổ nhiệm ông Bùi Hữu Việt giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc từ ngày 1/3/2022. Giao Tổng giám đốc ký HĐLĐ và tiếp nhận ông Bùi Hữu Việt.	
			- Ông Bùi Hữu Việt hưởng quyền lợi về lương thưởng theo quy định Công ty (<i>lương cứng 30 triệu/tháng, kèm phụ cấp xăng xe 2 triệu/ tháng</i>)	
4.	85a/NQ-HĐQT	26/4/2022	- Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022 ngày 17/6/2022.	100%
5.	86/NQ-HĐQT	18/5/2022	- Thông qua Kế hoạch tài chính năm 2022.	100%
			- Thông qua điều chỉnh tăng 5% lương cho 3 cán bộ (Q.Kế toán trưởng, Giám đốc nhà máy, Giám đốc chất lượng) từ ngày 1/5/2022.	
			- Thông qua điều chỉnh tăng lương cứng cho Tổng giám đốc từ 30 triệu/ tháng lên 35 triệu/ tháng	
			- Triển khai gửi tiết kiệm ở ngân hàng có lãi suất cao, không bắt buộc gửi Ngân hàng Nhà nước như trước.	
6.	14/ QĐ-HĐQT	18/5/2022	- Điều chỉnh tăng lương cho 4 cán bộ theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐQT	
7.	87/NQ-HĐQT	16/6/2022	- Thông qua đơn từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT với ông Nguyễn Việt Cường từ ngày 16/6/2022.	100%
			- Thông nhất bầu bà Nguyễn Diệu Trinh giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 16/6/2022.	
8.	88a/NQ-HĐQT 15/ QĐ-HĐQT	8/7/2022	- Thông qua chi trả 6% cổ tức còn lại năm 2021	100%
9.	90/ NQ-HĐQT	21/11/2022	- Thông qua chi trả 8% cổ tức tạm ứng năm 2022	100%
			- Thông qua chọn Công ty TNHH kiểm toán Vaco làm đơn vị Kiểm toán BCTC năm 2022.	
10	16/ QĐ-HĐQT	21/11/2022	- Thông qua chi trả 8% cổ tức tạm ứng năm 2022	

Phu Lục 05: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý:

DVT: VNĐ

Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Phụ cấp HDQT/ BKS	Tổng
Nguyễn Diệu Trinh	Chủ tịch HĐQT	-	-	117.489.119	117.489.119
Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	-	-	85.522.062	85.522.062
Đỗ Thị Nga	Thành viên HĐQT	-	-	130.788.729	130.788.729
Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	-	-	156.526.473	156.526.473
Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên HĐQT	-	-	45.266.667	45.266.667
Nguyễn Thị Thơm	Thành viên HĐQT	-	-	45.266.667	45.266.667
Ngô Hồng Minh	Trưởng BKS	-	-	130.788.729	130.788.729
Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên BKS	-	-	71.703.433	71.703.433
Nguyễn Lan Hương	Thành viên BKS kiêm GD chất lượng	197.212.560	320.804.030	71.703.433	589.720.023
Phạm Thị Tuân	Tổng giám đốc	412.353.694	656.258.462		1.068.612.156
Đình Quang Hào	Phó Tổng giám đốc	33.554.216	73.707.939		107.262.155
Bùi Hữu Việt	Phó Tổng giám đốc	286.038.462	307.484.616		593.523.078
Phạm Thị Minh Trang	Q. Kế toán trưởng	216.548.033	276.605.831		493.153.864



Phu lục 06: Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Số CP sở hữu đầu kỳ	Số CP sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ	Ghi chú
1	Đỗ Thị Nga	Thành viên HĐQT	034172000042 cấp ngày 9/6/2014	1.202.423	1.221.223	19,41%	